

Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2020

Analyze drug formulary used at 108 Military Central Hospital in the year of 2020

Nguyễn Cẩm Vân*, Cao Thị Bích Ngọc*,
Nguyễn Trung Hà**

*Học viện Quân y,
**Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

Tóm tắt

Mục tiêu: Phân tích cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2020 và phân tích danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện theo phân loại ABC/VEN. **Đối tượng và phương pháp:** Sử dụng phương pháp nghiên cứu hồi cứu để phân tích danh mục thuốc của Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 từ ngày 01/1/2020 đến hết ngày 31/12/2020. **Kết quả:** Danh mục thuốc bệnh viện gồm 1773 khoản, chia thành 24 nhóm tác dụng, cao nhất là nhóm thuốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch. Thuốc nhập khẩu chiếm ưu thế (77,0%), nhiều nhất từ Đức, thuốc mang tên thương mại chiếm 59,1% về giá trị, thuốc đơn thành phần chiếm đa số với 84,4% về giá trị. Ngân sách bệnh viện tập trung nhiều nhất vào nhóm A (78,5% theo ABC), nhóm E (60,4% theo VEN), nhóm AN chiếm 11,4% về giá trị. **Kết luận:** Nghiên cứu đã phân tích được cơ cấu danh mục thuốc nói chung và danh mục thuốc theo phân loại ABC, VEN sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân 108 năm 2020 từ đó đã cho thấy vai trò của Hội đồng thuốc và điều trị trong việc lựa chọn, mua sắm, đảm bảo hiệu quả trong kê đơn và đáp ứng nhu cầu điều trị cho người bệnh.

Từ khóa: Danh mục thuốc, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, ABC/VEN.

Summary

Objective: To analyze the hospital drug formulary used at 108 Military Central Hospital in 2020 and analyze this drug list according to ABC/VEN analysis. **Subject and method:** Using retrospective research method to analyze the hospital drug formulary from 1st Jan. 2020 to 31th Dec. 2020. **Result:** This list includes 1773 items, divided into 24 groups, the highest was anti-neoplastic and immunomodulating agents drugs. Foreign drugs dominated (77.0%), imported the most from Germany, drugs with trade names accounted for 59.1% in value, single-component drugs accounted for the majority with 84.4% in it. The hospital budget was most concentrated on group A (78.5% according to ABC), group E (60.4% according to VEN), group AN accounted for 11.4% in value. **Conclusion:** The study analyzed the structure of the drug list in general and the list of drugs according to the ABC and VEN classifications used at 108 Military Central Hospital in 2020, thereby showing the role of the Drug and Treatment

Ngày nhận bài: 10/9/2021, ngày chấp nhận đăng: 1/11/2021

Người phản hồi: Nguyễn Cẩm Vân, Email: nguyencamvan.hvqy@gmail.com - Học viện Quân y

Council in selecting and purchasing. procurement, ensuring effectiveness in prescribing and meeting the treatment needs of patients.

Keywords: Drug formulary, 108 Military Central Hospital, ABC/VEN.

1. Đặt vấn đề

Đối với mỗi bệnh viện, việc lựa chọn và xây dựng danh mục thuốc (DMT) hợp lý luôn là mối quan tâm hàng đầu nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu khám chữa bệnh, sử dụng tốt nguồn kinh phí của bệnh viện. Nó là cơ sở để tiến hành công tác đấu thầu, cung ứng thuốc, đảm bảo nhu cầu điều trị và thanh toán với người bệnh cũng như cơ quan Bảo hiểm y tế.

Đầu năm 2020, sự bùng phát của dịch Covid-19 đã có tác động không nhỏ làm thay đổi mô hình bệnh tật nước ta, dẫn đến số lượng bệnh nhân, giường bệnh cũng như kinh phí của các bệnh viện thay đổi đáng kể so với những năm trước đây. Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 là bệnh viện hạng Đặc biệt có quy mô lớn trên 2.000 giường bệnh với các trang thiết bị hiện đại cùng đội ngũ y bác sĩ có trình độ chuyên môn cao [1]. Do vậy, việc nghiên cứu danh mục thuốc ở Bệnh viện năm 2020 là rất cần thiết nhằm mục tiêu: *Đánh giá một cách chính xác nhất thực trạng sử dụng thuốc tại Bệnh viện trong thời điểm này.*

2. Đối tượng và phương pháp

Sử dụng phương pháp nghiên cứu mô tả hồi cứu các hồ sơ, sổ sách liên quan tới DMT sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 từ ngày 01/01/2020 tới hết ngày 31/12/2020 để:

Phân tích cơ cấu DMT sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 theo nhóm thuốc, theo nhóm tác dụng, theo nguồn gốc, xuất xứ, theo danh pháp, theo số lượng thành phần và theo đường dùng [2].

Phân tích DMT sử dụng tại Bệnh viện TWQĐ 108 theo phân loại ABC, VEN và ma trận ABC/VEN trong đó VEN là cách phân loại được phân chia tùy theo tác dụng thành các hạng mục sống còn, thiết yếu và không thiết yếu giúp cho hoạt động mua sắm và tồn trữ trong bệnh viện khi nguồn kinh phí không đủ để mua toàn bộ các loại thuốc như mong muốn [4], [5].

Các kết quả nghiên cứu được nhập, phân tích và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2016.

Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được Bệnh viện và Khoa Dược, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 đồng ý và cung cấp số liệu. Các thông tin trong nghiên cứu được đảm bảo bí mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

3. Kết quả

3.1. Kết quả phân tích cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2020

Cơ cấu DMT theo nhóm thuốc sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2020

Bảng 1. Cơ cấu danh mục thuốc theo nhóm thuốc

Chỉ tiêu	Số lượng khoản mục (SLKM)		Giá trị tiêu thụ (GTTT)	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
Thuốc hóa dược	1681	94,8	648.821,79	96,4

Thuốc dược liệu, cổ truyền	92	5,2	24.143,71	3,6
Tổng	1773	100,0	672.965,50	100,0

Nhận xét: Trong DMT của bệnh viện năm 2020, thuốc hóa dược chiếm chủ yếu với 94,8% về SLKM và 96,4% về GTTT. Các thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Trong DMT hóa dược, các thuốc được phân chia theo nhóm tác dụng theo hướng dẫn của Thông tư số 30/2018/TT-BYT, cụ thể như sau:

Bảng 2. Cơ cấu danh mục thuốc hóa dược theo nhóm tác dụng

TT	Phân loại	SLKM		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ %
1	Thuốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch	174	10,4	203.804,07	31,4
2	Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn	241	14,3	102.811,82	15,9
3	Thuốc tim mạch	239	14,2	96.441,23	14,9
4	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid	142	8,5	45.942,80	7,1
5	Hormon và thuốc tác động vào hệ nội tiết	106	6,3	41.418,28	6,4
6	Thuốc đường tiêu hóa	160	9,5	40.706,01	6,3
7	Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải	83	4,9	25.857,24	4,0
8	Thuốc tác dụng đối với máu	44	2,6	14.894,74	2,3
9	Thuốc chống rối loạn tâm thần	87	5,2	12.828,29	2,0
10	Thuốc gây tê, mê	40	2,4	11.155,96	1,7
11	Khoáng chất và vitamin	65	3,9	6.809,99	1,0
12	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	54	3,2	6.674,14	1,0
13	Thuốc điều trị bệnh mắt, tai mũi họng	41	2,4	5.968,51	0,9
14	Thuốc chống dị ứng và dùng trong các trường hợp quá mẫn	35	2,1	5.918,63	0,9
15	Thuốc dùng chẩn đoán	9	0,5	5.877,73	0,9
16	Thuốc chống co giật, chống động kinh	28	1,7	4.228,19	0,6
17	Thuốc tẩy trùng và sát trùng	25	1,5	4.189,26	0,6
18	Huyết thanh và Globulin miễn dịch	5	0,3	3.469,00	0,5
19	Thuốc điều trị bệnh đường tiết niệu	13	0,8	2.525,12	0,4
20	Thuốc giải độc và các thuốc dùng trong trường hợp ngộ độc	12	0,7	2.401,66	0,4
21	Thuốc điều trị da liễu	47	2,8	2.304,07	0,4
22	Thuốc có tác dụng thúc đẻ, cầm máu sau đẻ, chống đẻ non	7	0,4	978,73	0,1
23	Thuốc giãn cơ và ức chế	8	0,5	832,47	0,1

TT	Phân loại	SLKM		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ %
	cholinesterase				
24	Các nhóm thuốc khác	16	0,9	783,85	0,1
	Tổng	1681	100,0	648.821,79	100,0

Nhận xét: DMT hóa dược Bệnh viện được chia thành 24 nhóm, trong đó, thuốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch chiếm giá trị lớn nhất với 31,4%, đứng thứ 2 và thứ 3 lần lượt là thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn và thuốc tim mạch.

Cơ cấu DMT theo nguồn gốc, xuất xứ

Bảng 3. Cơ cấu danh mục thuốc theo nguồn gốc, xuất xứ

Chỉ tiêu	SLKM		GTTT	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ %
Thuốc ngoại	1086	61,3	518.329,36	77,0
Thuốc nội	687	38,7	154.636,14	23,0
Tổng	1773	100,0	672.965,50	100,0

Nhận xét: Năm 2020, các thuốc ngoại chiếm tỷ lệ lớn hơn cả về số lượng và giá trị với 61,3% và 77,0%. Tỷ lệ các thuốc nội chỉ chiếm 23,0% về giá trị. Trong số các thuốc ngoại, 5 quốc gia có giá trị nhập khẩu cao nhất bao gồm:

Bảng 4. Năm quốc gia có giá trị nhập khẩu cao nhất vào Bệnh viện năm 2020

STT	Quốc gia	SLKM		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ %
1	Đức	142	8,0	116.536,42	17,3
2	Pháp	135	7,7	46.654,39	6,9
3	Ý	76	4,3	42.811,73	6,4
4	Thụy Sĩ	44	2,5	29.577,08	4,4
5	Ấn Độ	62	3,5	27.958,89	4,1
	Tổng	459	25,9	263.538,51	39,1

Nhận xét: Tổng GTTT của 5 quốc gia vào BV năm 2020 chiếm đến 39,1%, trong đó Đức là quốc gia có GTTT lớn nhất với 17,3%, cao hơn khoảng 4 lần so với thuốc được nhập khẩu từ Thụy Sĩ (4,4%) và Ấn Độ (4,1%).

Cơ cấu DMT theo danh pháp, thành phần hoạt chất trong thuốc và đường dùng của thuốc

Bảng 5. Cơ cấu danh mục thuốc theo danh pháp

Chỉ tiêu	SLKM		GTTT	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ %

Theo danh pháp	Thuốc generic	1418	80,0	469.904,74	69,8
	Thuốc biệt dược gốc	355	20,0	203.060,76	30,2
Theo thành phần hoạt chất	Thuốc đơn thành phần	1345	75,9	568.757,36	84,5
	Thuốc đa thành phần	428	24,2	104.208,14	15,5
Theo đường dùng	Thuốc đường uống	1022	57,6	294.856,25	43,8
	Thuốc đường tiêm, tiêm truyền	557	31,4	363.860,04	54,1
	Các thuốc có đường dùng khác	194	10,9	14.249,21	2,1
Tổng		1773	100,0	672.965,50	100,0

Nhận xét: Theo danh pháp: Tỷ lệ các thuốc generic trong DMT của BV năm 2020 là rất lớn với 80,0% về SLKM, cao hơn gần 4 lần so với thuốc biệt dược gốc (20,0%) và chiếm 69,8% về GTTT, cao hơn 2 lần so với thuốc biệt dược gốc (30,2%). Theo thành phần hoạt chất: Số lượng các thuốc đơn thành phần chiếm đa số với 75,9%, cao hơn 3 lần so với các thuốc đa thành phần (24,14%), nhưng cao hơn 5 lần về GTTT (84,5% so với 15,5%). Theo đường dùng: Trong DMT sử dụng tại bệnh viện năm 2020, chủ yếu là thuốc đường uống và thuốc đường tiêm, tiêm truyền với tỷ lệ về giá trị lần lượt là 43,8% và 54,1%. Các thuốc đường dùng khác chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ về giá trị với 2,1%.

3.2. Kết quả phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2020 theo phân loại ABC/VEN

Theo phân loại ABC, DMT sử dụng tại BV năm 2020 được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 6. Cơ cấu danh mục thuốc theo phân loại ABC

STT	Nhóm	SLKM		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ %
1	A	270	15,2	528.143,33	78,5
2	B	330	18,6	108.414,74	16,1
3	C	1173	66,2	36.407,43	5,4
	Tổng	1773	100,0	672.965,50	100,0

Nhận xét: Trong DMT, nhóm A là nhóm có GTTT cao nhất (78,5%) nhưng chỉ gồm 270 thuốc, chiếm 15,2% về SLKM. Nhóm C là nhóm có SLKM cao nhất (66,2%) và GTTT thấp nhất (chỉ chiếm 5,4%). Trong nhóm A, các thuốc được phân chia theo nhóm tác dụng như sau:

Bảng 7. Cơ cấu thuốc nhóm A theo nhóm tác dụng

TT	Phân loại	SLKM		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ %
1	Thuốc điều trị ung thư và điều hoà miễn dịch	58	21,5	184.402,09	34,8

TT	Phân loại	SLKM		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ %
2	Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn	41	15,1	82.605,11	15,6
3	Thuốc tim mạch	46	17,0	74.142,82	14,0
4	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid	24	8,9	35.139,92	6,7
5	Hormon và thuốc tác động vào hệ nội tiết	17	6,3	33.101,12	6,3
6	Thuốc đường tiêu hóa	17	6,3	28.855,39	5,5
7	DD điều chỉnh nước, điện giải	10	3,7	17.082,43	3,2
8	Thuốc dược liệu và thuốc cổ truyền	11	4,1	13.747,89	2,6
9	Thuốc tác dụng đối với máu	9	3,3	11.035,51	2,1
10	Thuốc gây tê, mê	6	2,2	8.191,60	1,5
11	Thuốc chống rối loạn tâm thần	4	1,5	7.806,52	1,5
12	Thuốc điều trị bệnh mắt, tai mũi họng	3	1,1	5.523,83	1,0
13	Thuốc dùng chẩn đoán	4	1,5	5.511,80	1,0
14	Khoáng chất và vitamin	3	1,1	3.740,65	0,7
15	Thuốc chống dị ứng và dùng trong trường hợp quá mẫn	2	0,7	3.227,00	0,6
16	Huyết thanh và globulin miễn dịch	3	1,1	3.074,90	0,6
17	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	4	1,5	2.859,55	0,5
18	Thuốc chống co giật, chống động kinh	3	1,1	2.317,54	0,4
19	Thuốc tẩy trùng và sát khuẩn	1	0,4	1.958,50	0,4
20	Thuốc điều trị bệnh đường tiết niệu	1	0,4	1.179,25	0,2
21	Thuốc điều trị da liễu	1	0,4	974,86	0,2
22	Thuốc có tác dụng thúc đẻ, cầm máu sau đẻ và chống đẻ non	1	0,4	863,60	0,2
23	Thuốc giải độc và các thuốc dùng trong trường hợp ngộ độc	1	0,4	801,45	0,1
Tổng		270	100,0	528.143,33	100,0

Nhận xét: Trong nhóm A, thuốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch chiếm tỷ lệ lớn nhất về GTTT (34,8%), gấp hơn 2 lần giá trị thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn (15,6%) và thuốc tim mạch (14,0%). Nguồn gốc, xuất xứ của các thuốc nhóm A như sau:

Bảng 8. Cơ cấu thuốc theo nguồn gốc, xuất xứ

Phân loại	Nhóm	SLKM		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ %
Thuốc ngoại	A	199	11,2	425.819,82	63,3
	B	208	11,7	65.418,17	9,7

	C	679	38,3	20.593,37	3,1
Thuốc nội	A	71	4,0	102.323,82	15,2
	B	122	6,9	42.996,26	6,4
	C	494	27,9	15.814,06	2,3
Tổng		1773	100,0	672.965,50	100,0

Nhận xét: Các thuốc ngoại nhóm A chỉ chiếm 11,2% về SLKM nhưng chiếm tới 63,3% về giá trị, trong khi nhóm C chiếm tới 38,3% về SLKM nhưng chỉ chiếm 2,3% về GTTT. Tỷ lệ này đối với các thuốc nội cũng tương tự.

Theo phân loại VEN, DMT sử dụng tại BV năm 2020 được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 9. Cơ cấu danh mục thuốc theo phân loại VEN

STT	Nhóm	SLKM		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ %
1	V	235	13,3	153.760,52	22,9
2	E	1064	60,0	406.766,67	60,4
3	N	474	26,7	112.438,31	16,7
	Tổng	1773	100,0	672.965,50	100,0

Nhận xét: Theo phân loại VEN, các thuốc nhóm E chiếm tỷ trọng cao nhất cả về SLKM và GTTT với 60,0% và 60,4%; thuốc nhóm V thấp nhất về SLKM với 13,3% nhưng thấp nhất về GTTT thuộc nhóm N với 16,7%.

Kết hợp phân tích ma trận ABC/VEN thu được kết quả như sau:

Bảng 10. Phân tích ma trận ABC/VEN

Phân loại	V	E	N	SLKM		GTTT		Phân loại mức độ
				Số lượng	Tỷ lệ %	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ %	
A	50	146	74	435	24,5	552.061,04	82,0	Thuốc quan trọng nhất (I)
B	68	186	76	1014	57,2	111.666,78	16,6	Thuốc quan trọng (II)
C	97	752	324	324	18,3	9.237,68	1,4	Thuốc ít quan trọng (III)
Tổng	215	1084	474	1773	100,00	672.965,50	100,00	

Nhận xét: Theo ma trận ABC/VEN, nhóm thuốc quan trọng nhất chỉ chiếm 24,5% về SLKM nhưng chiếm chủ yếu về GTTT với 82,0%. Nhóm thuốc ít quan trọng chỉ chiếm 1,4% về GTTT. Cụ thể:

Bảng 11. Cơ cấu thuốc nhóm A, B, C theo phân loại VEN

Nhóm	Phân loại	SLKM		GTTT	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Trị giá (triệu đồng)	Tỷ lệ %
A	V	50	2,8	129.842,81	19,3
	E	146	8,2	321.353,67	47,7
	N	74	4,2	76.946,85	11,4
B	V	68	3,8	19.816,62	2,9
	E	186	10,5	62.344,34	9,4
	N	76	4,3	26.253,78	3,9
C	V	97	5,5	4.101,09	0,6
	E	752	42,4	23.068,66	3,4
	N	324	18,3	9.237,68	1,4
Tổng		1773	100,0	672.965,50	100,0

Nhận xét: Trong ma trận ABC/VEN, nhóm AV chiếm SLKM thấp nhất (2,8%) nhưng lại chiếm GTTT cao nhất (19,3%). Nhóm CN chiếm SLKM cao nhất (18,3%) nhưng lại có GTTT thấp nhất (1,4%). Trong số các nhóm này, AN là một trong những nhóm chiếm tỷ lệ lớn về GTTT nhưng lại không cần thiết, khi phân tích nhận thấy một số thuốc có giá trị cao nhất như sau:

Bảng 12. Một số thuốc trong nhóm AN

Tên thuốc	Hoạt chất	Nguồn gốc, xuất xứ	Đường dùng	Số lượt	Trị giá (triệu đồng)	% GT
Totcal S.C	Calci carbonat 750mg Cholecalciferol 100IU	Hàn Quốc	Uống	505.580	1.959,61	0,3
Goldoflo	Ofloxacin 200mg	Thụy Sĩ	Truyền TM	12.920	2.041,36	0,3
A.T hoạt huyết dưỡng	Cao lá bạch quả 40mg Cao rễ đinh lăng 120mg	Việt Nam	Uống	387.052	2.167,49	0,3
Giotrif	Afatinib dimaleat 30mg	Đức	Uống	3.001	2.318,86	0,3
Haisamin	Hải sâm 200mg	Việt Nam	Uống	662.289	2.503,45	0,4

Nhận xét: Có 5 thuốc có giá trị cao nhất trong nhóm AN trong đó totcal S.C là thuốc có giá trị thấp nhất, chiếm 0,3% về giá trị, cao nhất là thuốc haisamin 200mg.

4. Bàn luận

4.1. Về phân tích cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2020

DMT sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2020 chủ yếu là thuốc hóa dược với giá trị tiền thuốc lên tới 96,4% và chiếm 94,8% số lượng thuốc trong danh mục, trong đó có đầy đủ các nhóm thuốc theo thông tư 30/2018/TT-BYT [2], đứng đầu về GTTT là nhóm thuốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch, gấp hơn 2 lần giá trị thuốc điều trị ký sinh trùng,

chống nhiễm khuẩn và thuốc tim mạch. Điều này phản ánh đúng thực tế BV hạng đặc biệt của Quốc gia, lưu lượng bệnh nhân Xạ trị lớn và được pha chế thuốc điều trị ung thư. Hàng năm bệnh viện thực hiện khám cho lượng lớn bệnh nhân thuộc Khoa Y học hạt nhân và Khoa Xạ trị với tổng số bệnh nhân là 53.468 bệnh nhân, theo đó riêng năm 2020, Khoa Dược đã thực hiện phân liều điều trị ung thư cho 16.913 bệnh nhân [3].

Căn cứ theo thông tư số 21/2013/TT-BYT về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện [4], việc ưu tiên lựa chọn thuốc sản xuất trong nước là một trong những nguyên tắc đặt ra đối với các cơ sở khám chữa bệnh. Với kết quả ở Bảng 3 cho thấy thuốc ngoại chiếm tới 61,3% về SLKM và 77,0% về giá trị, cao hơn so với thuốc nội và cao hơn kết quả sử dụng năm 2019 [3]. Là bệnh viện hạng đặc biệt, có quy mô lớn, là nơi có tỷ lệ cao, mức độ phức tạp các bệnh về ung thư, bệnh tim mạch, hô hấp... do đó trong bối cảnh nguồn cung nội địa chưa đủ đáp ứng nhu cầu điều trị, nhu cầu sử dụng các hoạt chất thế hệ mới, dạng bào chế hiện đại, hiệu quả điều trị cao hơn ở nhóm thuốc ngoại vẫn là sự ưu tiên lựa chọn từ người kê đơn trong bệnh viện.

Trong DMT, tỷ lệ sử dụng thuốc đơn thành phần, thuốc dùng đường uống và đường tiêm, truyền là chủ yếu cả về SLKM và GTTT, trong khi đó thuốc biệt dược gốc mặc dù SLKM không nhiều nhưng tỷ lệ về GTTT chiếm tới 1/3 tổng giá trị tiền thuốc hóa dược của bệnh viện. Đây là những thuốc được dùng chủ yếu trong các trường hợp cấp cứu hoặc các trường hợp bệnh nặng do đó tỷ lệ thu được hoàn toàn phù hợp.

4.2. Về phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2020 theo phân loại ABC/VEN

Theo phân loại ABC, GTTT của các thuốc nhóm A có sự chênh lệch nhiều so với nhóm C, dẫn đến mặc dù số lượng thuốc nhóm C rất lớn nhưng GTTT của nhóm này lại rất nhỏ, điều này là hoàn toàn hợp lý, thể hiện việc mua sắm thuốc của bệnh viện không dàn trải mà tập trung vào một số thuốc nhất định. Trong nhóm A, các nhóm thuốc đứng đầu về SLKM cũng đứng đầu về GTTT, bao gồm nhóm thuốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch, nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn và nhóm thuốc tim mạch. Theo đó, các thuốc ngoại cũng đều chiếm tỷ lệ lớn hơn các thuốc nội về SLKM và GTTT ở cả 3 nhóm A, B, C, trong đó riêng nhóm A chủ yếu là các thuốc ngoại với giá trị cao hơn 4,5 lần so với thuốc nội. Một số thuốc ngoại chiếm giá trị lớn phải kể đến như: Avastin 400mg 16ml (Đức) 21,04 tỷ đồng, avastin 100mg 4ml (Đức) với 16,54 tỷ đồng; cefoxitin panpharma 2g (Pháp) với 13,02 tỷ đồng... Những thuốc này đều được dùng với số lượng lớn và được chú trọng trong công tác điều trị tại bệnh viện. Chính vì vậy, nếu bệnh viện muốn giảm chi phí thuốc nhập khẩu hay các thuốc nhóm A thì phải có những điều chỉnh phù hợp trong quá trình đấu thầu, tiến hành lựa chọn những mặt hàng thuốc sản xuất trong nước có hiệu quả điều trị tương đương nhưng giá thành hợp lý hơn, đồng thời đảm bảo tiêu chí ưu tiên dùng thuốc nội của Bộ Y tế nhằm hạ thấp gánh nặng chi phí khám chữa bệnh cho người dân.

Theo phân loại VEN, đa phần các thuốc sử dụng tại bệnh viện tập trung vào nhóm thuốc E và nhóm V. Trong năm 2020, giá trị các thuốc nhóm V lên đến 22,9%, cao hơn nhiều so với năm 2017. Nhóm N có GTTT thấp nhất nhưng vẫn chiếm 16,7% tổng GTTT, gấp hơn 2 lần tỷ lệ thuốc nhóm N năm 2017. Sau 3 năm, bệnh viện đã có những biện pháp kiểm soát kinh phí mua

thuốc ở nhóm thuốc tối cần và không thiết yếu nhằm giảm chi phí cho bệnh viện [6].

Theo kết quả phân tích ma trận ABC/VEN, có thể thấy tỷ lệ tiền thuốc ở nhóm I tăng lên 8%, trong khi đó nhóm III chỉ tăng 0,5% so với năm 2017. Điều này hoàn toàn phù hợp với mô hình bệnh tật của bệnh viện. Theo thống kê tại bệnh viện, số bệnh nhân thuộc Khoa Cấp cứu là 59.563 bệnh nhân, Khoa Y học Hạt nhân là 49.012 bệnh nhân. Cũng trong năm 2020, bệnh viện đã có 31.986 bệnh nhân được phẫu thuật và với sự thành công của 41 ca ghép gan, 26 ca ghép thận và 2 ca ghép chi thể, 1 ca ghép phổi, có thể thấy giá trị của nhóm thuốc quan trọng nhất luôn là mối quan tâm hàng đầu của bệnh viện [3]. Trong năm 2020, bệnh viện sử dụng nhóm AN chiếm 11,4% về GTTT, đây là tỷ lệ khá cao khi so sánh với nghiên cứu tại Bệnh viện Bạch Mai năm 2016 (nhóm AN chiếm 6,7% về giá trị) và Bệnh viện Quân y 105 năm 2017 (nhóm AN chiếm 5,98% về giá trị) [7]. Mặc dù SLKM không nhiều, nhưng giá thành của các thuốc nhóm này đều cao đã làm tăng GTTT của cả nhóm. Có 5 thuốc chiếm giá trị cao nhất trong nhóm bao gồm: Totcsi S.C, goldoflo 200mg, A.T hoạt huyết dưỡng, giotrif 30mg, haisamin 200mg trong đó giotrif 30mg là thuốc chứa hoạt chất thế hệ mới afatinib, có hiệu quả điều trị tốt đối với ung thư phổi, nhưng thuốc có nhiều tác dụng phụ, là thuốc mới được đưa vào DMT trong thời gian gần đây, do đó, với giá trị tiền thuốc cao, vẫn có nhiều hoạt chất khác thay thế, giotrif vẫn chưa được tiêu thụ với số lượng lớn.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích được cơ cấu DMT nói chung và DMT theo phân loại ABC, VEN sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2020 trong đó đã thể hiện rõ tỷ lệ về SLKM và GTTT của các

thuốc, các nhóm thuốc trong DMT phù hợp với mô hình bệnh tật của bệnh viện, cho thấy vai trò của Hội đồng thuốc và điều trị trong việc lựa chọn, mua sắm, đảm bảo hiệu quả trong kê đơn và đáp ứng nhu cầu điều trị cho người bệnh. Từ đó, cần tiếp tục đẩy mạnh vai trò của Hội đồng thuốc và điều trị trong việc đánh giá và xây dựng DMT đầu thầu, DMT sử dụng của bệnh viện, làm tốt hoạt động đầu thầu thuốc, phát huy thế mạnh của dược sĩ, bác sĩ trên lâm sàng, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan để cập nhật những thông tin mới về thuốc và những phản ứng bất lợi của thuốc, kịp thời loại bỏ khỏi DMT những thuốc không phù hợp, đưa ngay các thuốc có hiệu quả điều trị cao đảm bảo DMT sử dụng của bệnh viện luôn đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho người bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, <https://benhvien108.vn>
2. Bộ Y tế (2018) *Thông tư số 30/2018/TT-BYT của Bộ Y tế về việc Ban hành và hướng dẫn thực hiện danh mục thuốc hóa dược thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế*.
3. Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 (2020) *Báo cáo tổng hợp của Khoa Dược Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2020 ngày 02/12/2020*.
4. Bộ Y tế (2013) *Thông tư 21/2013/TT-BYT ban hành ngày 8/8/2013*. Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thuốc và điều trị trong bệnh viện.
5. World Health Organization (2007) *Drug and therapeutics committee training course*.
6. Nguyễn Sơn Nam, Nguyễn Trung Hà, Nguyễn Quỳnh Hoa (2018) *Phân tích ABC - VEN thuốc sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2017*, Tạp chí dược học - 4/2018 (số 504 năm 58).

7. Tô Thị Hồng Duyên (2019) *Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Quân y 105 - Tổng cục Hậu cần năm 2017*. Khóa

luận tốt nghiệp dược sĩ đại học, Học viện Quân y.